

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 10&11/12/2016; NGÀY CẤP: 20/12/2016

(Danh sách ban hành kèm theo quyết định số 1345/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Số vào sổ	Số hiệu chứng chỉ
					Trắc nghiệm	Thực hành		
1	Thân Thị Vân Anh	09/01/1996	CNTT02	Việt Lập - Tân Yên - Bắc Giang	5,5	5,0	CNTTCB01	0014866
2	Đỗ Thị Ánh	04/01/1997	CNTT03	Đông Sơn - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,5	CNTTCB02	0014867
3	Vũ Công Chiến	30/7/1996	CNTT06	Tân Mộc - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,0	5,0	CNTTCB03	0014868
4	Nguyễn Huyền Chung	17/4/1995	CNTT07	Mai Trung - Hiệp Hòa - Bắc Giang	7,5	7,0	CNTTCB04	0014869
5	Trần Phương Cúc	28/3/1996	CNTT08	Đông Xá - Vân Đồn - Quảng Ninh	9,0	6,5	CNTTCB05	0014870
6	Hoàng Mạnh Cường	05/01/1988	CNTT09	Tân Mỹ - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	10,0	6,0	CNTTCB06	0014871
7	Triệu Thị Ngọc Diệp	03/11/1995	CNTT10	Hồng Bàng - Hải Phòng	6,5	5,0	CNTTCB07	0014872
8	Nguyễn Thị Dịu	18/9/1996	CNTT11	Đại Đồng - Tiên Du - Bắc Ninh	7,0	5,0	CNTTCB08	0014873
9	Nguyễn Thị Duyên	02/8/1996	CNTT14	Thanh Luân - Sơn Động - Bắc Giang	6,0	6,5	CNTTCB09	0014874
10	Nguyễn Thị Đồng	10/5/1995	CNTT16	Quỳnh Liên - TX Hoàng Mai - Nghệ An	9,5	6,5	CNTTCB10	0014875
11	Đoàn Anh Đức	09/4/1989	CNTT18	Phượng Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	5,5	6,0	CNTTCB11	0014876
12	Trần Thế Hiếu	10/02/1995	CNTT24	Lục Ngạn - Bắc Giang	6,0	7,5	CNTTCB12	0014877
13	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	07/11/1995	CNTT26	Trạm Lộ - Thuận Thành - Bắc Ninh	7,0	8,5	CNTTCB13	0014878
14	Hoàng Xuân Hoa	07/7/1996	CNTT27	P. Vệ An - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	9,5	8,5	CNTTCB14	0014879

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Số vào sổ	Số hiệu chứng chỉ
					Trắc nghiệm	Thực hành		
15	Bùi Thị Hòa	08/7/1996	CNTT28	Mãn Đức - Tân Lạc - Hòa Bình	5,0	5,0	CNTTCB15	0014880
16	Trịnh Thị Hồng	28/9/1997	CNTT29	Ngọc Lý - Tân Yên - Bắc Giang	7,5	6,0	CNTTCB16	0014881
17	Nguyễn Thị Huế	24/4/1996	CNTT31	Việt Yên - Bắc Giang	6,5	6,0	CNTTCB17	0014882
18	Dương Thị Huyền	09/01/1995	CNTT33	Tiên Hưng - Lục Nam - Bắc Giang	8,5	5,5	CNTTCB18	0014883
19	Nguyễn Văn Hùng	13/11/1997	CNTT35	Tiên Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	5,0	CNTTCB19	0014884
20	Nguyễn Quốc Hưng	25/11/1996	CNTT37	Yên Thái - Yên Mô - Ninh Bình	6,5	5,0	CNTTCB20	0014885
21	Trần Thị Hương	18/10/1995	CNTT39	Tiên Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	9,5	5,0	CNTTCB21	0014886
22	Nguyễn Thu Hường	16/6/1996	CNTT40	Sơn Bình - Tam Đường - Lai Châu	9,0	6,0	CNTTCB22	0014887
23	Quách Cao Hường	14/4/1997	CNTT41	Phú Lâm - Tiên Du - Bắc Ninh	9,0	5,0	CNTTCB23	0014888
24	Trần Quốc Khánh	24/3/1995	CNTT42	Sông Mã - Sơn La	8,5	5,0	CNTTCB24	0014889
25	Lê Trọng Khánh	02/9/1995	CNTT43	Xuân Hưng - Thọ Xuân - Thanh Hóa	8,5	6,0	CNTTCB25	0014890
26	Nguyễn Hồng Kông	20/11/1996	CNTT45	An Bá - Sơn Động - Bắc Giang	7,5	5,5	CNTTCB26	0014891
27	Vũ Thị Lan	05/3/1995	CNTT46	Quy Mông - Trấn Yên - Yên Bái	8,5	5,0	CNTTCB27	0014892
28	Phùng Thị Lan	21/9/1995	CNTT47	Gia Trung - Gia Viễn - Ninh Bình	8,5	9,0	CNTTCB28	0014893
29	Vũ Thị Phương Lan	17/9/1995	CNTT48	TX. Quảng Yên - Quảng Ninh	9,0	9,0	CNTTCB29	0014894
30	Mai Xuân Linh	12/11/1996	CNTT49	Tà Chải - Bắc Hà - Lào Cai	9,5	5,0	CNTTCB30	0014895
31	Nguyễn Huyền Linh	05/9/1995	CNTT50	Bồ Sơn - Võ Cường - Bắc Ninh	8,5	9,0	CNTTCB31	0014896
32	Nguyễn Thị Lương	26/12/1997	CNTT51	Tân An - Yên Dũng - Bắc Giang	9,5	8,5	CNTTCB32	0014897
33	Tổng Thị Thúy Ly	27/9/1996	CNTT52	P. Vạn An - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	9,0	6,0	CNTTCB33	0014898

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Số vào sổ	Số hiệu chứng chỉ
					Trắc nghiệm	Thực hành		
34	Nguyễn Văn Minh	22/3/1997	CNTT57	Nam Triều - Phú Xuyên - Hà Nội	7,0	5,5	CNTTCB34	0014899
35	Nguyễn Bình Minh	23/8/1996	CNTT58	Bồ Hạ - Yên Thế - Bắc Giang	8,5	5,0	CNTTCB35	0014900
36	Đỗ Hương Nam	27/6/1995	CNTT60	Văn Tiến - TP. Yên Bái - Yên Bái	7,0	5,0	CNTTCB36	0014901
37	Đinh Văn Nam	21/10/1997	CNTT61	Võ Cường - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	5,5	7,0	CNTTCB37	0014902
38	Hoàng Thị Nga	19/10/1996	CNTT63	An Bá - Sơn Động - Bắc Giang	9,5	8,5	CNTTCB38	0014903
39	Vũ Thị Thanh Nga	05/4/1996	CNTT64	Đạo Chân - Kim Chân - Bắc Ninh	8,5	5,5	CNTTCB39	0014904
40	Hoàng Đức Ngọc	11/11/1996	CNTT65	Xuân Lương - Yên Thế - Bắc Giang	9,5	5,0	CNTTCB40	0014905
41	Đinh Thị Nhài	19/7/1996	CNTT67	An Dương - Tân Yên - Bắc Giang	6,5	5,0	CNTTCB41	0014906
42	Đặng Văn Nhật	22/12/1994	CNTT68	Đô Lương - Nghệ An	7,0	5,5	CNTTCB42	0014907
43	Hà Thị Nhị	23/7/1996	CNTT69	Yên Trạch - Cao Lộc - Lạng Sơn	8,5	6,0	CNTTCB43	0014908
44	Nguyễn Thị Phong	29/10/1983	CNTT70	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	9,5	6,0	CNTTCB44	0014909
45	Đỗ Văn Phú	25/12/1994	CNTT71	P. Đáp Cầu - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	7,5	9,5	CNTTCB45	0014910
46	Vi Văn Phụng	17/6/1996	CNTT72	Thanh Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	9,0	9,0	CNTTCB46	0014911
47	Nguyễn Văn Quân	05/5/1992	CNTT73	Việt Lập - Tân Yên - Bắc Giang	7,0	5,0	CNTTCB47	0014912
48	Nguyễn Thị Thu Quyên	07/6/1996	CNTT74	Lam Côt - Tân Yên - Bắc Giang	9,5	8,5	CNTTCB48	0014913
49	Nguyễn Thị Quyên	18/8/1995	CNTT75	Tiên Hưng - Lục Nam - Bắc Giang	9,5	5,5	CNTTCB49	0014914
50	Phạm Thị Quyên	10/07/1995	CNTT76	TT Nông Trường Mộc Châu - Mộc Châu - Sơn La	9,5	9,0	CNTTCB50	0014915
51	Vũ Văn Quyền	27/9/1995	CNTT77	Phú Hoà - Lương Tài - Bắc Ninh	9,0	9,0	CNTTCB51	0014916
52	Nguyễn Thị Quỳnh	12/01/1997	CNTT78	Trường Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	9,5	6,5	CNTTCB52	0014917

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Số vào sổ	Số hiệu chứng chỉ
					Trắc nghiệm	Thực hành		
53	Nguyễn Ngọc Quỳnh	04/9/1996	CNTT79	Thái Phúc - Thái Thụy - Thái bình	7,0	8,0	CNTTCB53	0014918
54	Đỗ Thị Quý	20/11/1996	CNTT80	Việt Đoàn - Tiên Du - Bắc Ninh	6,5	8,0	CNTTCB54	0014919
55	Nguyễn Kim San	04/11/1991	CNTT81	Xuân Lai - Gia Bình - Bắc Ninh	6,5	7,5	CNTTCB55	0014920
56	An Xuân Sung	12/3/1996	CNTT82	Hương Lâm - Hiệp Hòa - Bắc Giang	9,0	9,5	CNTTCB56	0014921
57	Nguyễn Xuân Tâm	14/11/1995	CNTT84	Đại Đồng - Tiên Du - Bắc Ninh	9,0	7,5	CNTTCB57	0014922
58	Mạc Thị Thanh	06/6/1976	CNTT85	Tuyên Quang	7,5	7,0	CNTTCB58	0014923
59	Nguyễn Xuân Thành	06/5/1995	CNTT86	Bình Kiều - Khoái Châu - Hưng Yên	5,0	6,5	CNTTCB59	0014924
60	Đỗ Văn Thành	18/10/1995	CNTT87	Chi Lăng - Quế Võ - Bắc Ninh	7,5	7,5	CNTTCB60	0014925
61	Chu Văn Thái	17/10/1996	CNTT88	Biên Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,5	6,0	CNTTCB61	0014926
62	Nguyễn Thị Phương Thảo	30/5/1979	CNTT90	P. Trần Phú - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	9,5	7,5	CNTTCB62	0014927
63	Nguyễn Huy Thiệp	10/9/1992	CNTT93	Viêm Xá - Hòa Long - Bắc Ninh	6,0	6,0	CNTTCB63	0014928
64	Nguyễn Thị Thu	08/8/1995	CNTT94	Phú Hoà - Lương Tài - Bắc Ninh	9,0	9,0	CNTTCB64	0014929
65	Nguyễn Thị Thùy	30/7/1996	CNTT96	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	7,5	5,0	CNTTCB65	0014930
66	Phạm Thị Thư	20/5/1996	CNTT97	Đông Đô - Hưng Hà - Thái Bình	9,0	7,5	CNTTCB66	0014931
67	Võ Thị Hồng Thương	12/6/1996	CNTT98	Lộc Yên - Hương Khê - Hà Tĩnh	9,0	8,5	CNTTCB67	0014932
68	Phạm Thị Thương	25/10/1994	CNTT99	Tân Lập - Lục Ngạn - Bắc Giang	9,5	8,5	CNTTCB68	0014933
69	Nguyễn Thị Thương	01/3/1996	CNTT100	Bình Định - Yên Lạc - Vĩnh Phúc	5,5	5,0	CNTTCB69	0014934
70	Hoàng Văn Tiến	20/01/1996	CNTT102	Bồng Lai - Quế Võ - Bắc Ninh	8,5	5,0	CNTTCB70	0014935
71	Ngô Thị Bảo Trang	13/02/1996	CNTT103	Phú Lâm - Tiên Du - Bắc Ninh	8,0	6,0	CNTTCB71	0014936

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Số vào sổ	Số hiệu chứng chỉ
					Trắc nghiệm	Thực hành		
72	Nguyễn Trọng Trung	16/8/1996	CNTT104	Yết Kiêu - Hạ Long - Quảng Ninh	7,0	5,0	CNTTCB72	0014937
73	Trần Xuân Trường	28/12/1997	CNTT105	P. Vạn An - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	5,5	5,0	CNTTCB73	0014938
74	Bùi Thị Anh Tú	20/11/1997	CNTT106	Phúc Hòa - Tân Yên - Bắc Giang	9,5	8,0	CNTTCB74	0014939
75	Mai Bá Tùng	25/10/1995	CNTT108	Nga Tân - Nga Sơn - Thanh Hóa	7,0	9,5	CNTTCB75	0014940
76	Hoàng Anh Việt	31/01/1994	CNTT111	Tam Hiệp - Yên Thế - Bắc Giang	6,0	6,0	CNTTCB76	0014941
77	Nguyễn Anh Việt	30/9/1995	CNTT112	Đức Thắng - Hiệp Hòa - Bắc Giang	8,5	7,0	CNTTCB77	0014942

Tổng số thí sinh theo danh sách:

77

Bắc Giang, ngày 14 tháng 12 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng Xét kết quả kỳ thi
(Đã ký)

Ts. Đoàn Văn Soạn

Thư ký Hội đồng Xét kết quả kỳ thi
(Đã ký)

Ths. Nguyễn Việt Đức

Chủ tịch Hội đồng thi
(Đã ký)

Ths. Đỗ Thị Huyền